TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 310/2019/QĐST-HNGĐ	*Tp. K, ngày 26 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH KON TUM

Căn cứ các điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 526 2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu:

1- Chị Đinh Thị N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 20 T, tổ 9 ,phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2- Anh Lê Viết X - sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 20 T, tổ 9 ,phường Duy T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Viết X và chị Đinh Thị N là hợp pháp; việc thuận tình ly hôn của hai anh, chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

[2] *Về con chung*: có 02 con chung là Lê Việt A, đã trên 18 tuổi và tự lo được cho bản thân nên không có yêu cầu gì với cháu, con thứ 2 là Lê Diệu L, sinh ngày 23/10/2009 thỏa thuận giao con chung cho chị Đinh Thị N nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

[3] *Về Cấp dưỡng nuôi con*: anh Lê Viết X cấp dưỡng nuôi con Lê Diệu L mỗi tháng 3.000.000 đồng, Ngày 01 hàng tháng anh X phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng bắt đầu cấp từ tháng 12/2019 cho đến khi con trưởng thành, chị N là người nhận tiền cấp dưỡng để nuôi con.

Áp dụng 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

Đến thời hạn cấp dưỡng và chị Đinh Thị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền nói trên mà người phải thi hành án chậm cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] *Về tài sản chung*, nợ chung:

Tài sản chung gồm: Căn nhà xây 2 tầng và lô đất diện tích 100m^2 thửa đất số 138, tờ bản đồ 47, tại địa chỉ: 20 (cũ 81) đường T, phường D, tp. K, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00031 do UBND thành phố K cấp ngày 31/12/2009 người đứng tên sử dụng ông Lê Viết X và bà Đinh Thị N.

Nhà và đất nêu trên thế chấp tại Ngân hàng TMCP S để bảo đảm cho khoản vay 800.000.000 đồng tại ngân hàng.

Thỏa thuận giữa anh Lê Viết X và chị Đinh Thị N:

- Anh Lê Viết X được toàn quyền sở hữu, sử dụng căn nhà và lô đất là tài sản chung nêu trên;

- Anh Lê Viết X có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Đinh Thị N tiền là chênh lệch chia tài sản là: 800.000.000 đồng . Anh Lê Viết X đã giao và chị Đinh Thị N đã nhận đủ số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

3/ Trách nhiệm trả nợ ngân hàng: Anh Lê Viết X có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP S, theo Hợp đồng tín dụng số LD 1900400264(Hợp đồng thế chấp: 013/2019/HĐTC), ngày 04/01/2019 được ký kết giữa anh Lê Viết X, chị Đinh Thị N với Ngân hàng.

Anh Lê Viết X đã trả nợ khoản vay này cho Ngân hàng đầy đủ cả gốc và lãi. Ngân Hàng đã có Thông báo trả lời nội dung trả nợ và không tham gia Tố tụng trong việc dân sự tại Tòa án liên quan đến anh X và chị N. Anh X đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[5] *Về lệ phí*: Anh Lê Viết X và chị Đinh Thị N phải chịu lệ phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại Điều 144, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định và căn cứ pháp luật nêu trên, xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ các vấn đề trong giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình; nội dung thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019 không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Viết X và chị Đinh Thị N thuận tình ly hôn.

1.2.Về nuôi con chung: Giao con Lê Diệu L, sinh ngày 23/10/2009 cho chị Đinh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Anh Lê Viết X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Lê Diệu L mỗi tháng 3.000.000 đồng(Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng : Vào ngày 01 hàng tháng bắt đầu từ tháng 12/2019 anh X phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng cho đến khi con trưởng thành và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Đinh Thị N là người nhận tiền cấp dưỡng để nuôi con .

Áp dụng 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

Đến thời hạn cấp dưỡng và chị Đinh Thị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền nói trên mà người phải thi hành án chậm cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung,nợ chung:

- Anh Lê Viết X được toàn quyền sở hữu, sử dụng: Căn nhà xây 2 tầng và lô đất diện tích 100m^2 thửa đất số 138, tờ bản đồ 47, tại địa chỉ: 20 (cũ 81) đường T, phường D, tp. Kon Tum, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00031 do UBND thành phố K cấp ngày 31/12/2009 người đứng tên sử dụng ông Lê Viết X và bà Đinh Thị N.

- Về trách nhiệm trả tiền chênh lệch chia tài sản chung và trả nợ chung anh Lê Viết Xuân đã thực hiện xong gồm:

+ Anh Lê Viết X đã giao và chị Đinh Thị N nhận đủ số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng.

+ Anh X đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng số LD 1900400264(Hợp đồng thế chấp: 013/2019/HĐTC), ngày 04/01/2019 được ký kết giữa anh Lê Viết X, chị Đinh Thị N với Ngân hàng..

2.Về lệ phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Lê Viết X và chị Đinh Thị N phải chịu lệ phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0001990 ngày 13/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum. Anh X, chị đã nộp đủ lệ phí.

2- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người

được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp K
- TAND tỉnh Kon Tum;
- UBND P , tp K
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Trường Du